



CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

**Số: HQ.3K.25.03216**

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:**

|                                   |                                                                                                                               |
|-----------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Tên sản phẩm</b>               | : Red Pepper                                                                                                                  |
| <b>Số lượng/ khối lượng</b>       | : 780 chai/ 780 kg                                                                                                            |
| <b>Hãng, nước sản xuất</b>        | : Bern Aqua NV, Belgium.                                                                                                      |
| <b>Thuộc lô hàng nhập khẩu</b>    |                                                                                                                               |
| Hợp đồng số                       | : Proforma Invoice 4120 ngày 20/3/2025                                                                                        |
| Hóa đơn số                        | : 3701 ngày 09/5/2025                                                                                                         |
| Vận đơn số                        | : NL2550170                                                                                                                   |
| Ngày sản xuất                     | : 31/3/2025                                                                                                                   |
| Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng  | : Số 4910/HQ-GDK-TTKN ngày 04/7/2025<br>(Mã số hồ sơ: BNNPTNT29250037147)                                                     |
| <b>Đơn vị được cấp</b>            | : <b>CÔNG TY TNHH ARCHER DANIELS<br/>MIDLAND VN</b><br>Địa chỉ Khu phố 1B, phường An Phú, Thành<br>phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. |
| <b>Phương thức đánh giá</b>       | : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-<br>BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và<br>Công nghệ)                      |
| <b>Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật</b> | : QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT                                                                                                   |
| <b>Có giá trị đến ngày</b>        | : Hết hạn sử dụng sản phẩm                                                                                                    |

**Quyết định chứng nhận**  
Số: 1964/QĐ-TTKN  
Ngày 06 tháng 8 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**  
  
**Đã Thanh Tùng**





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

Số: HQ.3K.25.03217

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:**

|                                   |                                                                                                                         |
|-----------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Tên sản phẩm</b>               | : Royal Caviar (5-50µm, 50-100µm, 100-200µm, 200-300µm)                                                                 |
| <b>Số lượng/ khối lượng</b>       | : 5.110 hộp/ 2.044 kg                                                                                                   |
| <b>Hãng, nước sản xuất</b>        | : Bern Aqua NV, Belgium.                                                                                                |
| <b>Thuộc lô hàng nhập khẩu</b>    |                                                                                                                         |
| Hợp đồng số                       | : Proforma Invoice 4120 ngày 20/3/2025                                                                                  |
| Hóa đơn số                        | : 3701 ngày 09/5/2025                                                                                                   |
| Vận đơn số                        | : NL2550170                                                                                                             |
| Ngày sản xuất                     | : 31/3/2025                                                                                                             |
| Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng  | : Số 4910/HQ-GDK-TTKN ngày 04/7/2025<br>(Mã số hồ sơ: BNNPTNT29250037147)                                               |
| <b>Đơn vị được cấp</b>            | : <b>CÔNG TY TNHH ARCHER DANIELS MIDLAND VN</b><br>Địa chỉ: Khu phố 1B, phường An Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. |
| <b>Phương thức đánh giá</b>       | : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCHN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)                      |
| <b>Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật</b> | : QCVN 02-31-1:2019/BNNPTNT                                                                                             |
| <b>Có giá trị đến ngày</b>        | : Hết hạn sử dụng sản phẩm                                                                                              |

**Quyết định chứng nhận**  
Số: 1964/QĐ-TTKN  
Ngày 06 tháng 8 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Hà Thanh Tùng**





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

**Số: HQ.3K.25.03218**

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:**

|                                   |                                                                                                                                |
|-----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Tên sản phẩm</b>               | : BioSpheres PL150                                                                                                             |
| <b>Số lượng/ khối lượng</b>       | : 1.024 hộp/ 1.024 kg                                                                                                          |
| <b>Hãng, nước sản xuất</b>        | : Bern Aqua NV, Belgium.                                                                                                       |
| <b>Thuộc lô hàng nhập khẩu</b>    |                                                                                                                                |
| Hợp đồng số                       | : Proforma Invoice 4120 ngày 20/3/2025                                                                                         |
| Hóa đơn số                        | : 3701 ngày 09/5/2025                                                                                                          |
| Vận đơn số                        | : NL2550170                                                                                                                    |
| Ngày sản xuất                     | : 31/3/2025                                                                                                                    |
| Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng  | : Số 4910/HQ-GDK-TTKN ngày 04/7/2025<br>(Mã số hồ sơ: BNNPTNT29250037147)                                                      |
| <b>Đơn vị được cấp</b>            | : <b>CÔNG TY TNHH ARCHER DANIELS<br/>MIDLAND VN</b><br>Địa chỉ: Khu phố 1B, phường An Phú, Thành<br>phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. |
| <b>Phương thức đánh giá</b>       | : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-<br>BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và<br>Công nghệ)                       |
| <b>Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật</b> | : QCVN 02-31-1:2019/BNNPTNT                                                                                                    |
| <b>Có giá trị đến ngày</b>        | : Hết hạn sử dụng sản phẩm                                                                                                     |

**Quyết định chứng nhận**  
Số: 1964/QĐ-TTKN  
Ngày 06 tháng 8 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Hà Thanh Tùng**





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

**Số: HQ.3K.25.03219**

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:**

|                                   |                                                                                                                                |
|-----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Tên sản phẩm</b>               | : Nori (200-300µm, 300-500µm)                                                                                                  |
| <b>Số lượng/ khối lượng</b>       | : 104 hộp/ 208 kg                                                                                                              |
| <b>Hãng, nước sản xuất</b>        | : Bern Aqua NV, Belgium.                                                                                                       |
| <b>Thuộc lô hàng nhập khẩu</b>    |                                                                                                                                |
| Hợp đồng số                       | : Proforma Invoice 4120 ngày 20/3/2025                                                                                         |
| Hóa đơn số                        | : 3701 ngày 09/5/2025                                                                                                          |
| Vận đơn số                        | : NL2550170                                                                                                                    |
| Ngày sản xuất                     | : 31/3/2025                                                                                                                    |
| Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng  | : Số 4910/HQ-GDK-TTKN ngày 04/7/2025<br>(Mã số hồ sơ: BNNPTNT29250037147)                                                      |
| <b>Đơn vị được cấp</b>            | : <b>CÔNG TY TNHH ARCHER DANIELS<br/>MIDLAND VN</b><br>Địa chỉ: Khu phố 1B, phường An Phú, Thành<br>phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. |
| <b>Phương thức đánh giá</b>       | : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-<br>BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và<br>Công nghệ)                       |
| <b>Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật</b> | : QCVN 02-31-1:2019/BNNPTNT                                                                                                    |
| <b>Có giá trị đến ngày</b>        | : Hết hạn sử dụng sản phẩm                                                                                                     |

**Quyết định chứng nhận**  
Số: 1964/QĐ-TTKN  
Ngày 06 tháng 8 năm 2025



**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Đã Thanh Tùng**





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

Số: HQ.3K.25.03220

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:**

|                                   |                                                                                                                                |
|-----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Tên sản phẩm</b>               | : BioSpheres Mysis                                                                                                             |
| <b>Số lượng/ khối lượng</b>       | : 96 hộp/ 48 kg                                                                                                                |
| <b>Hãng, nước sản xuất</b>        | : Bern Aqua NV, Belgium.                                                                                                       |
| <b>Thuộc lô hàng nhập khẩu</b>    |                                                                                                                                |
| Hợp đồng số                       | : Proforma Invoice 4120 ngày 20/3/2025                                                                                         |
| Hóa đơn số                        | : 3701 ngày 09/5/2025                                                                                                          |
| Vận đơn số                        | : NL2550170                                                                                                                    |
| Ngày sản xuất                     | : 31/3/2025                                                                                                                    |
| Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng  | : Số 4910/HQ-GDK-TTKN ngày 04/7/2025<br>(Mã số hồ sơ: BNNPTNT29250037147)                                                      |
| <b>Đơn vị được cấp</b>            | : <b>CÔNG TY TNHH ARCHER DANIELS<br/>MIDLAND VN</b><br>Địa chỉ: Khu phố 1B, phường An Phú, Thành<br>phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. |
| <b>Phương thức đánh giá</b>       | : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-<br>BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và<br>Công nghệ)                       |
| <b>Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật</b> | : QCVN 02-31-1:2019/BNNPTNT                                                                                                    |
| <b>Có giá trị đến ngày</b>        | : Hết hạn sử dụng sản phẩm                                                                                                     |

**Quyết định chứng nhận**  
Số: 1964/QĐ-TTKN  
Ngày 06 tháng 8 năm 2025



**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Đã Thanh Tùng**





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

**Số: HQ.3K.25.03221**

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:**

**Tên sản phẩm** : Omega Spawn F  
**Số lượng/ khối lượng** : 37 thùng/ 222 kg  
**Hãng, nước sản xuất** : Bern Aqua NV, Belgium.  
**Thuộc lô hàng nhập khẩu**  
Hợp đồng số : Proforma Invoice 4120 ngày 20/3/2025  
Hóa đơn số : 3701 ngày 09/5/2025  
Vận đơn số : NL2550170  
Ngày sản xuất : 31/3/2025  
**Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng** : Số 4910/HQ-GDK-TTKN ngày 04/7/2025  
(Mã số hồ sơ: BNNPTNT29250037147)  
**Đơn vị được cấp** : **CÔNG TY TNHH ARCHER DANIELS  
MIDLAND VN**  
Địa chỉ: Khu phố 1B, phường An Phú, Thành  
phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**Phương thức đánh giá** : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-  
BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và  
Công nghệ)  
**Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật** : QCVN 02-31-1:2019/BNNPTNT  
**Có giá trị đến ngày** : Hết hạn sử dụng sản phẩm

**Quyết định chứng nhận**  
Số: 1964/QĐ-TTKN  
Ngày 06 tháng 8 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Phạm Thanh Tùng**





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

Số: HQ.3K.25.03222

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:**

|                                   |                                                                                                                                |
|-----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Tên sản phẩm</b>               | : Mem Prime (500-800µm, 800-1200µm)                                                                                            |
| <b>Số lượng/ khối lượng</b>       | : 36 bao jumbo/ 18.000 kg                                                                                                      |
| <b>Hãng, nước sản xuất</b>        | : Bern Aqua NV, Belgium.                                                                                                       |
| <b>Thuộc lô hàng nhập khẩu</b>    |                                                                                                                                |
| Hợp đồng số                       | : Proforma Invoice 4120 ngày 20/3/2025                                                                                         |
| Hóa đơn số                        | : 3701 ngày 09/5/2025                                                                                                          |
| Vận đơn số                        | : NL2550170                                                                                                                    |
| Ngày sản xuất                     | : 28/3/2025                                                                                                                    |
| Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng  | : Số 4910/HQ-GDK-TTKN ngày 04/7/2025<br>(Mã số hồ sơ: BNNPTNT29250037147)                                                      |
| <b>Đơn vị được cấp</b>            | : <b>CÔNG TY TNHH ARCHER DANIELS<br/>MIDLAND VN</b><br>Địa chỉ: Khu phố 1B, phường An Phú, Thành<br>phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. |
| <b>Phương thức đánh giá</b>       | : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-<br>BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và<br>Công nghệ)                       |
| <b>Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật</b> | : QCVN 02-31-1:2019/BNNPTNT                                                                                                    |
| <b>Có giá trị đến ngày</b>        | : Hết hạn sử dụng sản phẩm                                                                                                     |

**Quyết định chứng nhận**  
Số: 1964/QĐ-TTKN  
Ngày 06 tháng 8 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**  
  
**Hà Thanh Tùng**



**BẢNG MÃ HOÁ MẪU PHÂN TÍCH**

**1. Mã hoá mẫu (trước khi gửi đi phân tích)**

| Doanh nghiệp/ ngày mã hoá                           | Mã mẫu       | Quy chuẩn áp dụng                                 | Tên sản phẩm/ chỉ tiêu phân tích                      |                                                                                                                                                           | Ghi chú              |
|-----------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
|                                                     |              |                                                   | Tên sản phẩm                                          | Chỉ tiêu phân tích                                                                                                                                        |                      |
| Công ty TNHH Archer Daniels Midland VN<br>23/7/2025 | 0725385/HQV2 | Mục 2.3 bảng 3, bảng 4 QCVN 02-31-2:2019/BNNPT NT | Red Pepper                                            | As tổng số (mg/ kg)<br>Cd (mg/ kg)<br>Pb (mg/kg)<br>As vô cơ (mg/kg)<br>Hg (mg/kg)<br>E. coli (CFU/g)<br>Salmonella (CFU/ 25 g)<br>Ethoxyquin (mg/ kg)    | BNNPT NT2925 0037147 |
|                                                     | 0725386/HQV2 | QCVN 02-31-1:2019/BNNPT NT                        | Royal Caviar (5-50µm, 50-100µm, 100-200µm, 200-300µm) | Aflatoxin B1 (µg/ kg)<br>As vô cơ (mg/ kg)<br>Hg (mg/kg)<br>Pb (mg/kg)<br>Cd (mg/ kg)<br>E. coli (CFU/g))<br>Salmonella (CFU/25 g)<br>Ethoxyquin (mg/ kg) |                      |
|                                                     | 0725387/HQV2 |                                                   | BioSpheres PL150                                      |                                                                                                                                                           |                      |
|                                                     | 0725388/HQV2 |                                                   | Nori (200-300µm, 300-500µm)                           |                                                                                                                                                           |                      |
|                                                     | 0725389/HQV2 |                                                   | BioSpheres Mysis                                      |                                                                                                                                                           |                      |
|                                                     | 0725390/HQV2 |                                                   | Omega Spawn F                                         |                                                                                                                                                           |                      |
|                                                     | 0725391/HQV2 |                                                   | Mem Prime (500-800µm, 800-1200µm)                     |                                                                                                                                                           |                      |

**Bảng mã hoá này được lập thành 02 bản: 01 bản lưu tại cơ sở thực hiện mã hoá mẫu, 01 bản đính kèm Báo cáo đánh giá kết quả thử nghiệm**

**NGƯỜI LẬP MÃ HOÁ**



**Nguyễn Thế Linh**

**2. Gửi mẫu đến phòng thử nghiệm**

| Người thực hiện | Đơn vị         | Thời gian ( ghi rõ.... giờ, ngày.../.../...) | Phòng thí nghiệm được lựa chọn | Ghi chú |
|-----------------|----------------|----------------------------------------------|--------------------------------|---------|
| Nguyễn Thế      | Trung tâm Vùng | 17h30 ngày                                   | ASTAC                          |         |

|      |    |             |  |  |
|------|----|-------------|--|--|
| Linh | II | 23/5/7/2025 |  |  |
|------|----|-------------|--|--|



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168  
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
*ANALYTICAL REPORT*  
Số/No.: 9707/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II  
Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh  
Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Nguyễn Thế Linh  
Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản  
Mã số mẫu/Sample code : 271925071613  
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 24/07/2025  
Ngày phân tích/Analysing date : 24/07/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup> | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|----------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|
| 0725385/HQV2                           | Asen tổng số (**)                      | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | <0,15              | AOAC 986.15                     |
|                                        | Asen (As) vô cơ (**)                   | mg/kg<br>(LOQ=0,9)  | KPH                | EN 16278:2012                   |
|                                        | Chì (Pb)                               | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | <0,6               | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Cadimi (Cd)                            | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | 0,66               | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Thủy ngân (Hg) (**)                    | mg/kg<br>(LOQ=0,05) | <0,05              | EN 16277:2012                   |
|                                        | Ethoxyquin (*)                         | mg/kg<br>(LOQ=0,1)  | <0,1               | AOAC 996.13                     |
|                                        | Escherichia coli (*)(**)               | CFU/g               | <10                | TCVN 7924-2:2008                |
|                                        | Salmonella spp. (*)(**)                | /25g                | KPH                | TCVN 10780-1:2017               |

Cần Thơ, ngày/date: 28/07/2025

**GIÁM ĐỐC/DIRECTOR**



*[Signature]*

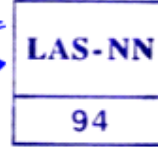
**Ghi chú/ Note:**

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/ All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/ Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168  
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
*ANALYTICAL REPORT*  
Số/No.: 9708/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II  
Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh  
Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Nguyễn Thế Linh  
Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Thức ăn hỗn hợp dùng trong nuôi trồng thủy sản  
Mã số mẫu/Sample code : 271925071614  
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 24/07/2025  
Ngày phân tích/Analysing date : 24/07/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup> | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|----------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|
| 0725386/HQV2                           | Asen (As) vô cơ (**)                   | mg/kg<br>(LOQ=0,9)  | KPH                | EN 16278:2012                   |
|                                        | Chì (Pb)                               | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | <0,6               | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Cadimi (Cd)                            | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | 0,58               | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Thủy ngân (Hg) (**)                    | mg/kg<br>(LOQ=0,05) | KPH                | EN 16277:2012                   |
|                                        | Aflatoxin B1                           | µg/kg<br>(LOQ=1)    | KPH                | TCVN 9126:2011                  |
|                                        | Ethoxyquin (*)                         | mg/kg<br>(LOQ=0,1)  | <0,1               | AOAC 996.13                     |
|                                        | Salmonella spp. (*)(**)                | /25g                | KPH                | TCVN 10780-1:2017               |

Cần Thơ, ngày/date: 28/07/2025

**GIÁM ĐỐC/DIRECTOR**



*(Handwritten signature)*

**Ghi chú/ Note:**

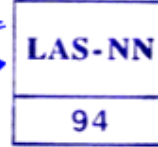
- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/ All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/ Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.

*(Handwritten signature)*



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168  
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
*ANALYTICAL REPORT*  
Số/No.: 9709/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II  
Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh  
Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Nguyễn Thế Linh  
Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Thức ăn hỗn hợp dùng trong nuôi trồng thủy sản  
Mã số mẫu/Sample code : 271925071615  
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 24/07/2025  
Ngày phân tích/Analysing date : 24/07/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup> | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|----------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|
| 0725387/HQV2                           | Asen (As) vô cơ (**)                   | mg/kg<br>(LOQ=0,9)  | KPH                | EN 16278:2012                   |
|                                        | Chì (Pb)                               | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | <0,6               | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Cadimi (Cd)                            | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | 0,22               | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Thủy ngân (Hg) (**)                    | mg/kg<br>(LOQ=0,05) | <0,05              | EN 16277:2012                   |
|                                        | Aflatoxin B1                           | µg/kg<br>(LOQ=1)    | KPH                | TCVN 9126:2011                  |
|                                        | Ethoxyquin (*)                         | mg/kg<br>(LOQ=0,1)  | KPH                | AOAC 996.13                     |
|                                        | Salmonella spp. (*)(**)                | /25g                | KPH                | TCVN 10780-1:2017               |

Cần Thơ, ngày/date: 28/07/2025

**GIÁM ĐỐC/DIRECTOR**



*(Handwritten signature)*

**Ghi chú/ Note:**

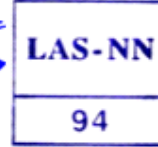
- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/ All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/ Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.

*(Handwritten signature)*



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168  
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
*ANALYTICAL REPORT*  
Số/No.: 9710/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II  
Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh  
Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Nguyễn Thế Linh  
Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Thức ăn hỗn hợp dùng trong nuôi trồng thủy sản  
Mã số mẫu/Sample code : 271925071616  
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 24/07/2025  
Ngày phân tích/Analysing date : 24/07/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup> | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|----------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|
| 0725388/HQV2                           | Asen (As) vô cơ (**)                   | mg/kg<br>(LOQ=0,9)  | KPH                | EN 16278:2012                   |
|                                        | Chì (Pb)                               | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | KPH                | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Cadimi (Cd)                            | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | 0,17               | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Thủy ngân (Hg) (**)                    | mg/kg<br>(LOQ=0,05) | KPH                | EN 16277:2012                   |
|                                        | Aflatoxin B1                           | µg/kg<br>(LOQ=1)    | KPH                | TCVN 9126:2011                  |
|                                        | Ethoxyquin (*)                         | mg/kg<br>(LOQ=0,1)  | KPH                | AOAC 996.13                     |
|                                        | Salmonella spp. (*)(**)                | /25g                | KPH                | TCVN 10780-1:2017               |

Cần Thơ, ngày/date: 28/07/2025

**GIÁM ĐỐC/DIRECTOR**



*[Handwritten signature]*

**Ghi chú/ Note:**

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/ All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/ Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/ Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.

*[Handwritten signature]*

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

## ANALYTICAL REPORT

Số/No.: 9711/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng IIĐịa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí MinhNgười gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Nguyễn Thế LinhMô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Thức ăn hỗn hợp dùng trong nuôi trồng thủy sản

Mã số mẫu/Sample code : 271925071617

Ngày nhận mẫu/Receiving date : 24/07/2025

Ngày phân tích/Analysing date : 24/07/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup> | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|----------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|
| 0725389/HQV2                           | Asen (As) vô cơ (**)                   | mg/kg<br>(LOQ=0,9)  | KPH                | EN 16278:2012                   |
|                                        | Chì (Pb)                               | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | KPH                | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Cadimi (Cd)                            | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | 0,22               | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Thủy ngân (Hg) (**)                    | mg/kg<br>(LOQ=0,05) | <0,05              | EN 16277:2012                   |
|                                        | Aflatoxin B1                           | µg/kg<br>(LOQ=1)    | KPH                | TCVN 9126:2011                  |
|                                        | Ethoxyquin (*)                         | mg/kg<br>(LOQ=0,1)  | KPH                | AOAC 996.13                     |
|                                        | Salmonella spp. (*)(**)                | /25g                | KPH                | TCVN 10780-1:2017               |

Cần Thơ, ngày/date: 28/07/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR

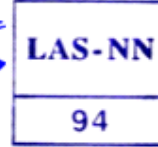
**Ghi chú/ Note:**

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168  
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
*ANALYTICAL REPORT*  
Số/No.: 9712/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II  
Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh  
Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Nguyễn Thế Linh  
Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Thức ăn hỗn hợp dùng trong nuôi trồng thủy sản  
Mã số mẫu/Sample code : 271925071618  
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 24/07/2025  
Ngày phân tích/Analysing date : 24/07/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup> | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|----------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|
| 0725390/HQV2                           | Asen (As) vô cơ (**)                   | mg/kg<br>(LOQ=0,9)  | KPH                | EN 16278:2012                   |
|                                        | Chì (Pb)                               | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | KPH                | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Cadimi (Cd)                            | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | 0,17               | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Thủy ngân (Hg) (**)                    | mg/kg<br>(LOQ=0,05) | KPH                | EN 16277:2012                   |
|                                        | Aflatoxin B1                           | µg/kg<br>(LOQ=1)    | KPH                | TCVN 9126:2011                  |
|                                        | Ethoxyquin (*)                         | mg/kg<br>(LOQ=0,1)  | KPH                | AOAC 996.13                     |
|                                        | Salmonella spp. (*)(**)                | /25g                | KPH                | TCVN 10780-1:2017               |

Cần Thơ, ngày/date: 28/07/2025

**GIÁM ĐỐC/DIRECTOR**



*(Handwritten signature)*

**Ghi chú/ Note:**

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/ All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/ Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/ Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.

*(Handwritten signature)*

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
ANALYTICAL REPORT  
Số/No.: 9713/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II

Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh

Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Nguyễn Thế Linh

Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Thức ăn hỗn hợp dùng trong nuôi trồng thủy sản

Mã số mẫu/Sample code : 271925071619

Ngày nhận mẫu/Receiving date : 24/07/2025

Ngày phân tích/Analysing date : 24/07/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup> | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|----------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|
| 0725391/HQV2                           | Asen (As) vô cơ (**)                   | mg/kg<br>(LOQ=0,9)  | KPH                | EN 16278:2012                   |
|                                        | Chì (Pb)                               | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | KPH                | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Cadimi (Cd)                            | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | 0,17               | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Thủy ngân (Hg) (**)                    | mg/kg<br>(LOQ=0,05) | <0,05              | EN 16277:2012                   |
|                                        | Aflatoxin B1                           | µg/kg<br>(LOQ=1)    | KPH                | TCVN 9126:2011                  |
|                                        | Ethoxyquin (*)                         | mg/kg<br>(LOQ=0,1)  | KPH                | AOAC 996.13                     |
|                                        | Salmonella spp. (*)(**)                | /25g                | KPH                | TCVN 10780-1:2017               |

Cần Thơ, ngày/date: 28/07/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR

**Ghi chú/ Note:**

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/ All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/ Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.